



chūn mèng

春梦

noun · spring dream; erotic dream

Example Sentences

Tā zuó wǎn zuò le yí gè chūn mèng

他昨晚做了一个春梦。

He had an erotic dream last night.

Chūn mèng liǎo wú hén xǐng lái zhǐ shèng huí yì

春梦了无痕，醒来只剩回忆。

Spring dreams leave no trace; only memories remain upon waking.

Trace each character, then write the word on your own.

春	春	春	春	春	春	春	春	春	春	春
春										
梦	梦	梦	梦	梦	梦	梦	梦	梦	梦	梦
梦	梦	梦								